

**CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN QP VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV TƯ VẤN QP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM QP CONSULTING MTV  
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109514726

**3. Ngày thành lập:** 28/01/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 121 phố 8/3, C23, Phường Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,  
Việt Nam

Điện thoại: 0977776996

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7020(Chính) |
| 2.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                    | 7320        |
| 3.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310        |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8230        |
| 5.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động thiết kế nội thất công trình;                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7410        |
| 6.  | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(trừ hoạt động của phóng viên ảnh)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7420        |
| 7.  | In ấn<br>(Trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1811        |
| 8.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1812        |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610        |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4649        |
| 11. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4761        |
| 12. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ súng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                   | 4773        |
| 13. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)                                                                                                     | 5911        |
| 14. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5912        |
| 15. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6201        |
| 16. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6202        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6209        |
| 18. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6311        |
| 19. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử; Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật; Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử (không bao gồm thiết kế hệ thống thông tin đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông);<br>(Trừ hoạt động báo chí và thông tin nhà nước cấm) | 6312        |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                       | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: Giới tính:  
Sinh ngày: Dân tộc: Quốc tịch:  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:  
Số giấy chứng thực cá nhân:  
Ngày cấp: Nơi cấp:  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:  
Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ QUÝ PHƯƠNG Giới tính: Nữ  
Chức danh: *Giám đốc*  
Sinh ngày: 12/09/1980 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: 001180003049  
Ngày cấp: 05/09/2014 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *C23, Tập thể Nhà máy Dệt 8/3, Phường Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *C23, Tập thể Nhà máy Dệt 8/3, Phường Quỳnh Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội